

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/KDTM-ST

Ngày: 04-9-2020

V/v tranh chấp về hợp đồng
thương mại mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Doãn Thị Lệ.
2. Ông Ngô Xuân Dệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2019/TLST-KDTM ngày 19 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp về hợp đồng thương mại mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần xây dựng T (viết tắt là Công ty T).

Địa chỉ: 29 Tạ Quang Bửu, phường Hoa Lư, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Lê Đức T, sinh năm 1992; địa chỉ: 11 đường T, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 24-7-2020). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 5 (viết tắt là Công ty 5).

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà H, số 2 đường H, phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ hiện nay: Phòng cộng đồng Lô D, Chung cư Q, 468 đường P, phường 7, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Thanh N là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giám đốc của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 5). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 13-12-2019 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Lê Đức T trình bày:*

Vào ngày 23-7-2014 tại Văn phòng Công ty cổ phần xây dựng T - Chi nhánh kinh doanh vật liệu xây dựng số 2, Công ty cổ phần xây dựng T - Chi nhánh kinh doanh vật liệu xây dựng số 2 có ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐTN/2014 với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 5. Theo đó, Công ty T - Chi nhánh kinh doanh vật liệu xây dựng số 2 bán thép xây dựng, xi măng và cát đá các loại cho Công ty 5.

Qua nhiều lần giao hàng và thanh toán, hai bên đã đối chiếu công nợ với nhau tính đến ngày 03-5-2017 thì Công ty 5 còn nợ Công ty T số tiền là 100.515.000 đồng. Công ty 5 đã cam kết thanh toán số nợ trên cho Công ty T trong thời hạn sớm nhất.

Tuy nhiên, từ đó cho đến nay Công ty 5 không chịu thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho Công ty T như đã cam kết. Mặc dù nhiều lần Công ty T đã yêu cầu Công ty 5 phải có nghĩa vụ thanh toán, nhưng Công ty 5 cứ hẹn mà không chịu trả.

Các bên ký kết Hợp đồng nguyên tắc tại văn phòng Công ty T. Đồng thời, Công ty 5 mua thép xây dựng, xi măng và cát đá các loại của Công ty T để phục vụ thi công xây dựng các công trình trên địa bàn thành phố P. Do đó, Công ty T lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết vụ án này.

Vì vậy, Công ty T làm đơn khởi kiện này yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết, buộc Công ty 5 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T thông qua Công ty T - Chi nhánh kinh doanh vật liệu xây dựng số 2 số tiền gốc là 100.515.000 đồng và tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005: “...*Yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả...*”.

Công ty T tạm tính từ ngày 03-5-2017 cho đến ngày 04-9-2020 là 3 năm 4 tháng 1 ngày (1.216 ngày) với mức lãi suất là 1%/tháng. Như vậy, số tiền lãi Công ty T yêu cầu Tòa án giải quyết là: 100.515.000 đồng x 1.216 ngày x 1%/tháng = 40.742.080 đồng.

Tổng cộng các khoản tiền gốc và lãi Công ty T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty 5 phải trả cho Công ty T thông qua Công ty T - Chi nhánh kinh doanh vật liệu xây dựng số 2 là: 100.515.000 đồng + 40.742.080 đồng = 141.257.080 đồng.

2. *Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 12-3-2020, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Phạm Thanh N trình bày:*

Công ty 5 xác nhận còn nợ tiền vật liệu với Công ty T số tiền 100.515.000 đồng là chính xác và rất xin lỗi vì đã thanh toán không đúng theo hợp đồng đã ký kết.

Như thỏa thuận trao đổi giữa hai bên cũng như chia sẻ những khó khăn hiện tại của Công ty 5 về việc Công ty 5 mới ổn định nhân sự và tài chính gặp nhiều khó khăn. Thực tế từ đầu năm 2019 đến nay, Công ty 5 chưa triển khai được dự án công trình mới nào để có thêm nguồn về. Mặt khác, các công trình khác đã hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng từ 2017+2018, các công tác bảo hành cũng đã kết thúc bảo hành khá lâu nhưng đến nay chủ đầu tư vẫn chưa thanh toán phần giá trị còn lại cho Công ty 5. Ban giám đốc Công ty 5 cũng đã trực tiếp hối thúc chủ đầu tư thanh toán nhiều lần để có tiền trả nợ còn lại cho các nhà cung cấp và các nhà thầu phụ nói chung và Công ty T nói riêng.

Công ty 5 kính trình Tòa án nhân dân thành phố P và Công ty T xem xét tạo điều kiện thêm cho Công ty 5 chậm trả khoản công nợ gốc 100.515.000 đồng. Thời điểm khó khăn hiện nay, Công ty 5 cũng xin cam kết sẽ trả đầy đủ số nợ trên trong thời gian sớm nhất có thể. Hoặc có bất cứ nguồn của công trình mới nào về Công ty 5 sẽ cố gắng trích trả nợ dần cho Công ty T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Công ty cổ phần xây dựng T khởi kiện tranh chấp hợp đồng thương mại mua bán hàng hóa đối với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 5. Công ty T lựa chọn Tòa án nơi thực hiện hợp đồng là Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý, giải quyết vụ án nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Phạm Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để ông Phạm Thanh N tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Thanh N.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 23-7-2014, giữa Công ty cổ phần xây dựng T - Chi nhánh kinh doanh vật liệu xây dựng số 2 và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 5 ký kết với nhau Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐTN/2014, theo đó Công ty T - Chi nhánh kinh doanh vật liệu xây dựng số 2 bán thép xây dựng, xi măng và cát đá các loại cho Công ty 5; địa điểm giao hàng được xác định theo sự thỏa thuận, thống nhất của hai bên cho từng đơn hàng cụ thể; thanh toán bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng; đối chiếu công nợ trong vòng 14 ngày theo từng thời điểm được hai bên xác nhận, khi hai bên đã ký xác nhận vào ngày cuối cùng của tháng có phát sinh mua hàng hóa thì Công ty 5 sẽ thanh toán cho Công ty T trong vòng 5 ngày, nếu chậm thanh toán sẽ cộng thêm 2% lãi chậm trả cho số tiền đã ký xác nhận trên đối chiếu công nợ.

Ngày 03-5-2017, Công ty T và Công ty 5 ký Biên bản đối chiếu công nợ, xác định tính đến ngày 03-5-2017 Công ty 5 còn nợ Công ty T số tiền 100.515.000 đồng.

Xét Biên bản đối chiếu công nợ ngày 03-5-2017 giữa hai bên là căn cứ để xác lập quyền và nghĩa vụ của hai bên từ quan hệ kinh doanh thương mại mua bán hàng hóa; Công ty 5 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của mình nên việc khởi kiện của Công ty T là có căn cứ. Hội đồng xét xử sẽ xử buộc Công ty 5 trả cho Công ty T số tiền mua thép xây dựng, xi măng và cát đá còn nợ là 100.515.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán.

Về tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu lãi kể từ ngày 03-5-2017 theo tiền nợ phát sinh, với mức lãi 1%/tháng; tại khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐTN/2014 ngày 23-7-2014, hai bên thỏa thuận “...*Nếu chậm thanh toán sẽ cộng thêm 2% lãi chậm trả cho số tiền đã ký xác nhận trên đối chiếu công nợ*” và đối chiếu với quy định tại Điều 306 Luật thương mại thì yêu cầu của nguyên đơn là đã có lợi cho bị đơn so với thỏa thuận của hai bên và mức lãi mà nguyên đơn yêu cầu là thấp hơn mức lãi quá hạn của các ngân hàng thương mại; do đó yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 03-5-2017 cho đến ngày 04-9-2020 là 3 năm 4 tháng 1 ngày (1.216 ngày): $100.515.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 3 \text{ năm } 4 \text{ tháng } 1 \text{ ngày (1.216 ngày)} = 40.742.080 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số nợ gốc và tiền lãi mà Công ty 5 phải trả cho Công ty T là: $100.515.000 \text{ đồng} + 40.742.080 \text{ đồng} = 141.257.080 \text{ đồng}$.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 24, 50 và 306 của Luật thương mại;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần xây dựng T.

Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 5 phải trả cho Công ty cổ phần xây dựng T thông qua Công ty cổ phần xây dựng T - Chi nhánh kinh doanh vật liệu xây dựng số 2 số tiền 141.257.080 đồng; trong đó có 100.515.000 đồng nợ gốc và 40.742.080 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 5 phải chịu 7.063.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty cổ phần xây dựng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Công ty cổ phần xây dựng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.292.000 đồng theo biên lai số 0002211 ngày 19-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Công ty cổ phần xây dựng T có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 5 vắng mặt tại phiên toà, nên Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 5 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền